

CÔNG TY CỔ PHẦN
KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 279 /2017/ TB-VFC
V/v: Báo cáo tài chính
6T.2017.Kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**
Mã chứng khoán: VFG
Trụ sở chính: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: 08. 3822 8097
Fax: 08. 3829 0457

Người thực hiện công bố thông tin: Trần Văn Dũng

Địa chỉ: 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại di động: 0918.808 835

Loại thông tin công bố: 24 giờ định kỳ bất thường theo yêu cầu

Nội dung công bố thông tin:

**Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017-Đã kiểm toán
(BCTC Riêng & BCTC Hợp Nhất)**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2017 tại đường dẫn www.vfc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người được ủy quyền công bố thông tin



TRẦN VĂN DŨNG
Kế Toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG
VIỆT NAM**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu	7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	11 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Chủ tịch
Ông Trương Công Cứ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Văn Quốc	Trưởng ban
Bà Thái Thị Hồng Châu	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Minh	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trương Công Cứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Bạch Tuyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Số: 18.127/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra kết luận ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính riêng đến mục 4.36 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan đến việc Công ty đã khởi kiện về tỷ lệ góp vốn của Công ty vào một công ty khác.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

TNHH

KIỂM TOÁN & TƯ VẤN

RSM VIỆT NAM

Lục Thị Vân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.215.628.607.550	1.094.450.717.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(4.1)	266.754.566.457	170.421.209.496
1. Tiền	111		66.754.566.457	170.421.209.496
2. Các khoản tương đương tiền	112		200.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		475.009.856.237	496.079.264.032
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(4.3)	478.969.213.803	485.386.376.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.665.586.406	13.726.333.045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(4.4)	18.588.551.600	28.053.174.061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(4.5)	(31.213.495.572)	(31.086.619.362)
IV. Hàng tồn kho	140	(4.6)	468.586.912.463	383.966.046.416
1. Hàng tồn kho	141		472.198.848.521	389.184.418.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.611.936.058)	(5.218.371.741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.277.272.393	3.984.197.831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(4.11)	3.730.028.289	2.999.546.007
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	(4.13)	1.547.244.104	984.651.824
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		444.907.606.102	405.120.755.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.212.715.323	1.726.909.053
1. Phải thu dài hạn khác	216	(4.4)	2.212.715.323	1.726.909.053
II. Tài sản cố định	220		104.444.036.500	108.206.376.298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(4.8)	39.651.134.889	42.185.865.874
Nguyên giá	222		138.441.620.096	137.986.315.607
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(98.790.485.207)	(95.800.449.733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	(4.9)	64.792.901.611	66.020.510.424
Nguyên giá	228		71.689.134.273	72.421.738.273
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.896.232.662)	(6.401.227.849)
III. Bất động sản đầu tư	230	(4.10)	36.756.561.153	36.942.109.304
1. Nguyên giá	231		44.603.063.575	44.408.609.100
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.846.502.422)	(7.466.499.796)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		93.108.541.135	51.058.197.951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	(4.7)	93.108.541.135	51.058.197.951
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(4.2)	204.014.855.362	204.165.005.362
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.162.600.000	9.573.191.264
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		193.304.814.098	193.304.814.098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.701.948.736)	(962.390.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.370.896.629	3.022.157.760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(4.11)	4.370.896.629	3.022.157.760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.660.536.213.652	1.499.571.473.503

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		864.645.313.641	727.410.912.074
I. Nợ ngắn hạn	310		762.660.850.853	649.748.197.952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(4.12)	422.805.361.995	386.154.563.719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.748.481.580	1.853.592.983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(4.13)	13.618.509.172	14.057.459.126
4. Phải trả người lao động	314	(4.14)	19.214.545.992	27.823.224.782
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(4.15)	12.715.087.335	10.418.725.665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(4.16)	120.158.505.935	122.697.645.289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(4.17)	169.282.962.934	86.151.804.396
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.117.395.910	591.181.992
II. Nợ dài hạn	330		101.984.462.788	77.662.714.122
1. Phải trả dài hạn khác	337	(4.16)	36.830.696.620	36.796.348.200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(4.17)	65.153.766.168	40.866.365.922
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		795.890.900.011	772.160.561.429
I. Vốn chủ sở hữu	410	(4.18)	795.890.900.011	772.160.561.429
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		237.701.890.000	182.854.360.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.701.890.000	182.854.360.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	26.763.978.592
3. Cổ phiếu quỹ	415		(20.000.000)	(20.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		203.462.343.942	231.545.895.350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		19.147.555.911	26.976.673.911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		335.599.110.158	304.039.653.576
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		274.564.768.293	187.681.794.941
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		61.034.341.865	116.357.858.635
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.660.536.213.652	1.499.571.473.503



Trương Công Cự
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Thuyết minh	Tại ngày 01/01/2017	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017		Tại ngày 30/06/2017
			Tăng	Giảm	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	(4.18)	182.854.360.000	54.847.530.000	-	237.701.890.000
Thặng dư vốn cổ phần		26.763.978.592	-	26.763.978.592	-
Tổng cộng		209.618.338.592	54.847.530.000	26.763.978.592	237.701.890.000



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(4.20)	1.134.561.632.951	1.173.417.476.355
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(4.21)	70.912.180.860	55.430.183.794
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.063.649.452.091	1.117.987.292.561
4. Giá vốn hàng bán	11	(4.22)	809.448.814.817	811.882.589.999
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		254.200.637.274	306.104.702.562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(4.23)	8.633.785.097	5.429.210.995
7. Chi phí tài chính	22	(4.24)	6.771.802.273	6.212.087.553
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.838.416.175	1.235.070.635
8. Chi phí bán hàng	25	(4.25)	166.218.269.232	177.782.069.211
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(4.26)	19.129.804.723	27.219.633.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.714.546.143	100.320.123.097
11. Thu nhập khác	31	(4.27)	16.311.464.194	3.148.505.143
12. Chi phí khác	32		2.681.713.615	6.085.558.406
13. Lợi nhuận khác	40		13.629.750.579	(2.937.053.263)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		84.344.296.722	97.383.069.834
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(4.29)	17.309.954.857	20.295.686.656
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.034.341.865	77.087.383.178



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		84.344.296.722	97.383.069.834
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	(4.28)	6.818.794.552	6.961.849.401
Các khoản dự phòng	03		259.999.263	(22.087.953.729)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.907.973.370)	(1.779.143.620)
Chi phí lãi vay	06	(4.24)	1.838.416.175	1.235.070.635
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
3. trước những thay đổi vốn lưu động	08		78.353.533.342	81.712.892.521
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.894.133.035	(68.101.839.965)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(83.014.430.364)	42.073.204.492
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.085.445.440	(52.674.094.653)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(2.079.221.151)	381.923.027
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.838.416.175)	(1.235.070.635)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.13)	(16.884.641.346)	(16.483.023.649)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		49.999.998	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(12.805.618.000)	(22.427.098.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		760.784.779	(36.753.106.862)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(44.363.239.060)	(5.854.345.688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16.962.805.910	144.181.818
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ				
3. của đơn vị khác	24		40.000.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.962.185.623	1.634.961.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.561.752.473	(4.075.202.068)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	6.741.100.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	(4.30)	300.204.485.502	188.770.470.280
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.31)	(192.785.926.718)	(138.696.780.800)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36	(4.18.5)	(27.407.739.075)	(35.203.524.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		80.010.819.709	21.611.265.280
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		96.333.356.961	(19.217.043.650)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		170.421.209.496	167.945.742.218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	(4.1)	266.754.566.457	148.728.698.568



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Khử Trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302327629 ngày 31 tháng 12 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 07 năm 2017.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần nhất là 237.701.890.000 VND.

Nhà máy Công ty được đặt tại số B47-48, Đường 11, KCN Lê Minh Xuân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1.251 (31 tháng 12 năm 2016 là: 1.249).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, thương mại và dịch vụ

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở).
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác.
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Buôn bán phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng – đề đập – khách sạn – nhà hàng.
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi.
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp.
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 134/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	11.245.534.724	18.386.454.050
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.509.031.733	152.034.755.446
Các khoản tương đương tiền	200.000.000.000	-
Cộng	266.754.566.457	170.421.209.496

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất dao động từ 5.2%/năm đến 5.5%/năm.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 40.000.000.000 VND đã được thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017			Tại ngày 01/01/2017		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty TNHH Cambo V.F.C	11.162.600.000	(1.589.408.736)	-	9.573.191.264	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 4.36	179.514.814.098	-	-	179.514.814.098	-	-
Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông	13.790.000.000	-	-	13.790.000.000	-	-
Cộng	193.304.814.098	-	-	193.304.814.098	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn	2.249.390.000	(1.112.540.000)	1.136.850.000	2.249.390.000	(962.390.000)	1.287.000.000

Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty CP Bảo vệ Thực vật Sài Gòn trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cambo V.F.C, Công ty TNHH Hải Yến và Công ty CP Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Toàn bộ phải thu ngắn hạn của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu khách hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan là 34.843.685.253 VND – Xem thêm mục 4.32.

Nợ phải thu với số tiền là 68.100.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng – Xem thêm mục 4.17.

4.4. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu về chiết khấu mua hàng của nhà cung cấp	6.567.745.818	-	17.233.057.760	-
Phải thu về khách hàng liên quan mua lại đất	1.211.742.000	-	1.211.742.000	-
Tạm ứng	5.183.404.911	-	2.689.823.483	-
Ký cược, ký quỹ	2.280.726.392	-	2.064.321.955	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	-	-	115.488.400	-
Phải thu người lao động	28.071.968	-	816.654.238	-
Phải thu khác	3.316.860.511	-	3.922.086.225	-
Cộng	18.588.551.600	-	28.053.174.061	-
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	2.212.715.323	-	1.726.909.053	-

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	13.956.585.880	8.292.434.736	19.502.327.879	11.169.654.185
Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi	27.089.259.303	1.539.914.875	24.795.040.414	2.041.094.746
Cộng	41.045.845.183	9.832.349.611	44.297.368.293	13.210.748.931

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã được trích lập dự phòng đầy đủ.

Toàn bộ phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi của các khách hàng có số dư phải thu mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu quá hạn thanh toán hoặc khó có khả năng thu hồi vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	23.109.932.037	-	12.190.944.800	-
Nguyên liệu, vật liệu	157.214.914.562	-	140.993.623.339	-
Công cụ, dụng cụ	1.837.207.866	-	1.521.540.078	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.967.868.717	-	5.803.468.343	-
Thành phẩm	47.688.377.141	(1.241.296.408)	46.118.535.959	(1.319.494.462)
Hàng hóa	235.380.548.198	(2.370.639.650)	182.556.305.638	(3.898.877.279)
Cộng	472.198.848.521	(3.611.936.058)	389.184.418.157	(5.218.371.741)

Hàng tồn kho với giá trị là 170.400.000.000 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ – Xem thêm mục 4.17.

Việc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là do hàng hóa, thành phẩm được lập dự phòng đã được bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Xây dựng nhà máy thuốc bảo vệ thực vật tại Long An	93.108.541.135	51.027.768.451
Dự án phòng cháy chữa cháy kho Hóc Môn	-	30.429.500
Cộng	93.108.541.135	51.058.197.951

Toàn bộ giá trị xây dựng nhà máy thuốc bảo vệ thực vật tại Long An đã được thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay dài hạn – Xem thêm mục 4.17.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Xây dựng nhà máy thuốc bảo vệ thực vật tại Long An	93.108.541.135	51.027.768.451
Dự án phòng cháy chữa cháy kho Hóc Môn	-	30.429.500
Cộng	93.108.541.135	51.058.197.951

Toàn bộ giá trị xây dựng nhà máy thuốc bảo vệ thực vật tại Long An đã được thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay dài hạn – Xem thêm mục 4.17.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	44.835.019.972	11.037.599.159	77.965.422.520	4.025.393.456	122.880.500	137.986.315.607
Mua trong kỳ	-	32.400.000	2.469.630.682	2.095.771.000	416.978.000	5.014.779.682
Thanh lý, nhượng bán	(3.508.434.805)	(31.700.000)	(1.019.340.388)	-	-	(4.559.475.193)
Tại ngày 30/06/2017	41.326.585.167	11.038.299.159	79.415.712.814	6.121.164.456	539.858.500	138.441.620.096
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	19.856.513.219	9.034.547.184	63.294.418.050	3.495.299.113	119.672.167	95.800.449.733
Khấu hao trong kỳ	1.424.855.626	344.866.934	3.756.121.052	371.299.958	46.643.543	5.943.787.113
Thanh lý, nhượng bán	(1.902.711.251)	(31.700.000)	(1.019.340.388)	-	-	(2.953.751.639)
Tại ngày 30/06/2017	19.378.657.594	9.347.714.118	66.031.198.714	3.866.599.071	166.315.710	98.790.485.207
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	24.978.506.753	2.003.051.975	14.671.004.470	530.094.343	3.208.333	42.185.865.874
Tại ngày 30/06/2017	21.947.927.573	1.690.585.041	13.384.514.100	2.254.565.385	373.542.790	39.651.134.889

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 55.032.021.218 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	68.348.995.773	4.072.742.500	72.421.738.273
Mua trong kỳ	-	258.421.000	258.421.000
Thanh lý, nhượng bán	(991.025.000)	-	(991.025.000)
Tại ngày 30/06/2017	67.357.970.773	4.331.163.500	71.689.134.273
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	3.660.322.700	2.740.905.149	6.401.227.849
Khấu hao trong kỳ	222.582.126	272.422.687	495.004.813
Tại ngày 30/06/2017	3.882.904.826	3.013.327.836	6.896.232.662
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	64.688.673.073	1.331.837.351	66.020.510.424
Tại ngày 30/06/2017	63.475.065.947	1.317.835.664	64.792.901.611

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình cuối kỳ với số tiền là 37.687.705.913 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.286.049.344 VND.

4.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	7.619.891.500	19.555.738.511	27.175.630.011
Tại ngày 30/06/2017	7.619.891.500	19.555.738.511	27.175.630.011
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	-	7.466.499.796	7.466.499.796
Tăng trong kỳ	-	380.002.626	380.002.626
Tại ngày 30/06/2017	-	7.846.502.422	7.846.502.422
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	7.619.891.500	12.089.238.715	19.709.130.215
Tại ngày 30/06/2017	7.619.891.500	11.709.236.089	19.329.127.589

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	14.114.019.089	3.118.960.000	17.232.979.089
Tăng trong kỳ	854.400.000	268.800.000	1.123.200.000
Giảm trong kỳ	(928.745.525)	-	(928.745.525)
Tại ngày 30/06/2017	14.039.673.564	3.387.760.000	17.427.433.564
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	-	-	-
Tại ngày 30/06/2017	-	-	-
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	14.114.019.089	3.118.960.000	17.232.979.089
Tại ngày 30/06/2017	14.039.673.564	3.387.760.000	17.427.433.564

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc của tòa nhà tại Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với giá trị còn lại là 19.329.127.589 VND đang cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không khấu hao bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa vật kiến trúc với giá trị là 17.427.433.564 VND.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.215.365.585	2.151.001.028
Thuê văn phòng, kho bãi	843.430.368	393.650.000
Bảo hiểm tài sản	520.570.492	264.608.292
Các khoản khác	150.661.844	190.286.687
Cộng	3.730.028.289	2.999.546.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.937.639.940	2.945.736.780
Thuê văn phòng, kho bãi	433.256.689	76.420.980
Cộng	4.370.896.629	3.022.157.760

4.12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công Ty TNHH Syngenta Việt Nam	279.998.612.559	279.998.612.559	292.972.871.305	292.972.871.305
Itochu Chemical Frontier Coporation	45.969.906.800	45.969.906.800	50.127.845.600	50.127.845.600
Phải trả cho các đối tượng khác	96.836.842.636	96.836.842.636	43.053.846.814	43.053.846.814
Cộng	422.805.361.995	422.805.361.995	386.154.563.719	386.154.563.719

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản (phải thu)/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	3.605.290.873	109.032.522.242	108.977.544.251	-	3.550.312.882
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(1.544.222.495)	-	14.311.738.499	14.874.330.779	(981.630.215)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(3.021.609)	-	1.989.835.556	1.989.835.556	(3.021.609)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.358.156.539	17.309.954.857	16.884.641.346	-	8.932.843.028
Thuế thu nhập cá nhân	-	161.613.761	7.043.840.915	7.947.070.009	-	1.064.842.855
Thuế tài nguyên	-	-	271.710.800	271.710.800	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	20.214.901	20.214.901	-	-
Các loại thuế khác	-	493.447.999	2.011.802.609	2.027.814.971	-	509.460.361
Cộng	(1.547.244.104)	13.618.509.172	151.991.620.379	152.993.162.613	(984.651.824)	14.057.459.126

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Phải trả người lao động

Là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

4.15. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Chi phí phải trả theo chính sách bán hàng	12.715.087.335	10.418.725.665

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn -	943.530.658	881.752.118
Bảo hiểm xã hội	9.774.690	19.343.218
Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV	1.385.979.833	698.359.071
Nhận ký quỹ, ký cược	129.850.050	134.850.050
Tiền mượn Công ty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 4.32	116.500.000.000	116.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.414.925	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.171.955.779	4.463.340.832
Cộng	120.158.505.935	122.697.645.289
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.045.796.620	2.011.448.200
Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến – Xem thêm mục 4.36	34.784.900.000	34.784.900.000
Cộng	36.830.696.620	36.796.348.200

(Xem trang tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2017	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng	169.282.962.934	169.282.962.934	275.917.085.256	192.785.926.718	86.151.804.396	86.151.804.396
Vay dài hạn ngân hàng	65.153.766.168	65.153.766.168	24.287.400.246	-	40.866.365.922	40.866.365.922
Cộng	234.436.729.102	234.436.729.102	300.204.485.502	192.785.926.718	127.018.170.318	127.018.170.318

Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay nhằm mục đích mua nguyên vật liệu nhập khẩu và bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,8% - 5,3%/năm, được thế chấp bằng tiền gửi có kỳ hạn, nợ phải thu, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình của Công ty – Xem thêm các mục 4.1, 4.3, 4.6 và 4.9 theo Hợp đồng thế nợ phải thu, động sản ngày 06 tháng 03 năm 2012 và các phụ lục sửa đổi; Hợp đồng Thế Chấp số VNM 100755 ngày 01 tháng 06 năm 2010 và các bản sửa đổi; Hợp đồng Bảo hiểm rủi ro tài sản số số 0000080/HD/001-P.HH/PHH.TS.2.1/2016 ngày 07 tháng 12 năm 2016; Hợp đồng bảo hiểm số 0000114/HD/001-P.HH/PHH.TS.2.1/2016 ngày 15 tháng 04 năm 2016 và Hợp đồng cầm cố 290/2017/CC-ĐT ngày 22 tháng 05 năm 2017.

Vay dài hạn ngân hàng là khoản vay nhằm tài trợ 75% giá trị hóa đơn liên quan đến chi phí xây dựng và mua máy móc thiết bị cho nhà máy mới ở Long An với lãi suất điều chỉnh và được thế chấp bằng quyền sử dụng đất, nhà máy và thiết bị hình thành trong tương lai với giá trị tối thiểu là 145.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.7 – theo Hợp đồng thế chấp số VNM 161291CM/MM và Hợp đồng bảo hiểm số 0000162/HD/001-P18-2017/PHH.TS.3.1/2017 ngày 26 tháng 04 năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tông Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.18. Vốn chủ sở hữu****4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	176.854.360.000	26.763.978.592	(761.100.000)	231.545.895.350	25.818.269.911	248.998.243.306	709.219.647.159
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm trước	6.000.000.000	-	-	-	-	-	6.000.000.000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741.100.000	-	-	-	741.100.000
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	-	77.087.383.178	77.087.383.178
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	-	(17.752.694.000)	(17.752.694.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	(7.105.761.989)	(7.105.761.989)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(35.218.652.000)	(35.218.652.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.648.804.000)	(2.433.458.998)	(4.082.262.998)
Tại ngày 30/06/2016	182.854.360.000	26.763.978.592	(20.000.000)	231.545.895.350	27.169.465.911	260.575.059.497	728.888.759.350
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	-	72.171.836.022	72.171.836.022
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	(7.512.162.576)	(7.512.162.576)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(18.283.436.000)	(18.283.436.000)
Tăng khác	-	-	-	-	255.858.000	-	255.858.000
Giảm khác	-	-	-	-	(448.650.000)	(2.911.643.367)	(3.360.293.367)
Tại ngày 31/12/2016	182.854.360.000	26.763.978.592	(20.000.000)	231.545.895.350	26.976.673.911	304.039.653.576	772.160.561.429

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tông Đức Thắng,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	182.854.360.000	26.763.978.592	(20.000.000)	231.545.895.350	26.976.673.911	304.039.653.576	772.160.561.429
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	54.847.530.000	(26.763.978.592)	-	(28.083.551.408)	-	-	-
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	-	67.034.341.865	67.034.341.865
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	(1.454.803.987)	(1.454.803.987)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Chi trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(27.425.154.000)	(27.425.154.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(7.829.118.000)	(594.927.296)	(8.424.045.296)
Tại ngày 30/06/2017	237.701.890.000	-	(20.000.000)	203.462.343.942	19.147.555.911	335.599.110.158	795.890.900.011

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của các cổ đông	237.701.890.000	182.854.360.000

4.18.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	182.854.360.000	176.854.360.000
Vốn góp tăng trong kỳ	54.847.530.000	6.000.000.000
Vốn góp tại ngày 30/06	237.701.890.000	182.854.360.000

Ngày 05 tháng 07 năm 2017, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Chứng khoán thay đổi lần thứ 07 số 113/2009/GCNCP-VSD-7 với tổng giá trị chứng khoán đăng ký bổ sung là 54.847.530.000 VND (Năm mươi bốn tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng chẵn), tương đương với 5.484.753 cổ phiếu thưởng cho cổ đông theo tỷ lệ 10:3. Theo đó, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 182.854.360.000 VND lên 237.701.890.000 VND.

4.18.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	23.770.189	18.285.436
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	18.285.436	17.685.436
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	5.484.753	600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	23.770.189	18.285.436
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	18.285.436	17.685.436
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	5.484.753	600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.000	2.000
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu quỹ trước khi phát hành thêm</i>	2.000	76.110
<i>Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành</i>	-	(74.110)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	23.768.189	18.283.436
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	18.283.436	17.609.326
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	5.484.753	600.000
<i>Số lượng cổ phiếu quỹ được tái phát hành</i>	-	74.110

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18.5. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả	27.407.739.075	35.203.524.200

4.18.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND
Tại ngày 01/01/2017	231.545.895.350	26.976.673.911
Tăng vốn trong kỳ	(28.083.551.408)	-
Chi trong kỳ	-	(7.829.118.000)
Tại ngày 30/06/2017	203.462.343.942	19.147.555.911

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận ủy thác	6.169.076.700	73.655.802.757
	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	332.488,65	74.132,10
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	34.787.631.656	33.707.856.188

4.20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	618.319.301.922	641.014.809.042
Doanh thu bán thành phẩm	364.834.474.675	387.354.676.068
Doanh thu cung cấp dịch vụ	151.407.856.354	145.047.991.245
Cộng	1.134.561.632.951	1.173.417.476.355
Trong đó, doanh thu bán hàng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	34.843.685.253	9.705.593.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản chiết khấu thương mại theo chính sách bán hàng

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	501.886.553.523	515.855.627.927
Giá vốn của thành phẩm đã bán	225.699.909.365	231.565.731.147
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	89.358.464.036	85.902.036.373
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.606.435.683)	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(5.889.676.424)	(21.440.805.448)
Cộng	809.448.814.817	811.882.589.999

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.819.185.623	1.563.551.409
Cổ tức, lợi nhuận được chia	143.000.000	71.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	730.327.525	1.009.013.898
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	4.941.254.860	2.785.145.688
Doanh thu hoạt động tài chính khác	17.089	-
Cộng	8.633.785.097	5.429.210.995

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.838.416.175	1.235.070.635
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.980.998.254	5.283.856.195
Lỗ chênh lệch tỷ giá	212.829.108	365.260.723
Dự phòng / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.739.558.736	(672.100.000)
Cộng	6.771.802.273	6.212.087.553

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên	81.340.257.460	92.662.565.928
Chi phí khấu hao	3.148.453.536	2.960.154.308
Chi phí chính sách bán hàng	53.987.475.832	51.315.372.810
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.871.968.737	19.902.734.811
Chi phí bằng tiền khác	6.870.113.667	10.941.241.354
Cộng	166.218.269.232	177.782.069.211

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.926.309.427	13.629.273.492
Chi phí khấu hao	1.561.627.829	1.692.438.544
Chi phí dự phòng	126.876.210	2.054.724.592
Chi phí khác	5.514.991.257	9.843.197.068
Cộng	19.129.804.723	27.219.633.696

4.27. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.945.787.747	409.990.547
Thu nhập khác	4.365.676.447	2.738.514.596
Cộng	16.311.464.194	3.148.505.143

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	757.807.931.163	785.309.819.625
Chi phí nhân công	128.664.765.921	138.818.260.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.818.794.552	6.961.849.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.458.872.430	22.656.982.940
Chi phí khác bằng tiền	86.430.211.808	48.325.274.369
Cộng	990.180.575.875	1.002.072.186.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	84.344.296.722	97.383.069.834
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.348.477.560	4.166.863.445
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(143.000.000)	(71.500.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	86.549.774.282	101.478.433.279
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	17.309.954.857	20.295.686.656

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế như chi phí không hợp lệ và cổ tức được chia.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	300.204.485.502	188.770.470.280

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ này VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(192.785.926.718)	(138.696.780.800)

4.32. Thông tin về các bên có liên quan

Danh sách các bên liên quan

- Công ty TNHH Cambo V.F.C
- Công ty TNHH Thương mại Nông nghiệp Sông Mê Kông
- Công ty TNHH Hải Yến
- Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

- Công ty con
- Công ty liên kết
- Công ty liên doanh
- Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu – Xem thêm mục 4.3: Công ty TNHH Cambo V.F.C	34.843.685.253	25.958.036.206
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 4.16: Công ty TNHH Hải Yến	(116.500.000.000)	(116.500.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng – Xem thêm mục 4.20: Công ty TNHH Cambo V.F.C	34.843.685.253	9.705.593.114

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	9.534.966.740	9.613.564.000

4.33. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	320.000.000	240.000.000

4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 3 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	5.287.521.442	5.128.664.478

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	6.419.219.971	1.392.296.292
Trên 1 năm đến 5 năm	10.175.627.544	6.859.850.292
Cộng	16.594.847.515	8.252.146.584

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Công ty là bên đi thuê

Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 2 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.637.957.948	1.238.397.914

Tại ngày 30/06/2017, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.814.765.272	1.049.490.909
Trên 1 năm đến 5 năm	809.798.000	1.035.200.000
Cộng	2.624.563.272	2.084.690.909

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính riêng.

4.36. Các thông tin khác

Ngày 01 tháng 07 năm 2004, Công ty đã ký hợp đồng liên doanh với Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III để hình thành Công ty TNHH Hải Yến có địa chỉ tại Số 50, Đường Trần Phú, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa nhằm thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khai thác kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH Hải Yến với số tiền là 179.514.814.098 VND, trong đó có 34.784.900.000 VND là vốn góp của CBCNV của Công ty và các đối tác ngoài Công ty ủy quyền cho Công ty đứng tên theo Quyết định số 100/VFC-HĐQT/QĐ ngày 22 tháng 12 năm 2008. Sau đó, Công ty Xuất Nhập Khẩu Tổng Hợp III đã được sáp nhập vào Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ có địa chỉ tại Số 64, Đường Trần Quốc Toàn, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Sau khi sáp nhập, Công ty Thực Phẩm và Đầu tư Công Nghệ đã không đồng ý với tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Hải Yến. Do đó, Công ty đã khởi kiện Công ty Thực Phẩm và Đầu Tư Công Nghệ ra Tòa án Tỉnh Khánh Hòa để giải quyết tranh chấp này. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tòa án Tỉnh Khánh Hòa vẫn đang thụ lý vụ kiện nên kết quả của vụ kiện là chưa thể xác định được. Do đó, báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào có liên quan đến vụ kiện nêu trên – Xem thêm mục 4.2 và mục 4.16.



Trương Công Cứ
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng
08 năm 2017

Trần Văn Dũng
Kế toán trưởng

Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập